

Số: 1259/QĐ-ĐDN

Nam Định, ngày 29 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Quy định giờ chuẩn các hoạt động Nghiên cứu khoa học của giảng viên Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG NAM ĐỊNH

Căn cứ Quyết định số 24/2004/QĐ-TTg ngày 26/02/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 779/QĐ-BYT ngày 07/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập;

Căn cứ Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giảng viên;

Căn cứ Quyết định số 2092/QĐ-ĐDN ngày 06/10/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định về việc ban hành Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng QL NCKH,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định quy đổi giờ chuẩn Nghiên cứu khoa học của giảng viên Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định”.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 2144/QĐ-ĐDN ngày 17/10/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định.

Điều 3. Trưởng các Khoa, Phòng, Trung tâm và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TCCB, QL NCKH.

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
ĐIỀU DƯỠNG
NAM ĐỊNH

Lê Thanh Tùng

QUY ĐỊNH

Quy đổi giờ chuẩn các hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1259/QĐ-ĐDN ngày 29 tháng 6 năm 2018 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về việc quy đổi giờ chuẩn các hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) của giảng viên Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định kể từ năm học 2018 - 2019

2. Quy định này áp dụng đối với các cán bộ là giảng viên của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Nghiên cứu khoa học là hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn.


2. Hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) là hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và triển khai thực nghiệm, phát triển công nghệ, ứng dụng công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ, phát huy sáng kiến và hoạt động sáng tạo khác nhằm phát triển khoa học và công nghệ.

3. Nhiệm vụ KH&CN là những vấn đề khoa học và công nghệ cần được giải quyết để đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển KH&CN. Nhiệm vụ KH&CN gồm: Đề tài KH&CN; Đề án KH&CN; Dự án KH&CN; Dự án sản xuất thử nghiệm; Sáng chế; Sáng kiến cải tiến kỹ thuật; biên soạn Giáo trình, Tài liệu học tập-giảng dạy.

4. Nhiệm vụ KH&CN hoàn chỉnh là một nhiệm vụ đã được một Hội đồng Khoa học được cấp có thẩm quyền thành lập nghiệm thu từ mức đạt trở lên và kết quả phải được công bố bằng một trong các hình thức sau:

a) Tối thiểu 01 bài báo trên tạp chí/kỷ yếu hội nghị/hội thảo có phản biện;

b) Được ứng dụng vào thực tiễn và đem lại kết quả rõ rệt;

c) Được sử dụng trong giảng dạy, học tập đối với nhiệm vụ biên soạn giáo trình, tài liệu học tập-giảng dạy. Việc lựa chọn sử dụng giáo trình, tài liệu học tập-giảng dạy phải được cấp có thẩm quyền ký quyết định. 

Điều 3. Các hoạt động được quy đổi ra giờ chuẩn NCKH

1. Thực hiện nhiệm vụ KH&CN các cấp. Trong đó chia thành 02 giai đoạn: Giai đoạn 1 - Được nghiệm thu kết quả; Giai đoạn 2 - Công bố kết quả.

2. Đạt giải các Hội thi về KH&CN.

3. Hướng dẫn người học, giảng viên, người lao động thực hiện các nhiệm vụ KH&CN (không bao gồm các hoạt động hướng dẫn thực hiện đề án, khóa luận tốt nghiệp, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ).

Điều 4. Thời điểm tính và bảo lưu số giờ chuẩn NCKH

1. Thời điểm tính số giờ chuẩn NCKH: số giờ chuẩn NCKH quy đổi hoàn thành trong năm học nào được tính cho năm học đó (từ 01/8 năm trước đến 31/7 năm sau).

2. Thời gian bảo lưu: không được bảo lưu.

Chương II

PHƯƠNG THỨC QUY ĐỔI GIỜ CHUẨN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Điều 5. Quy đổi giờ chuẩn đối với các nhiệm vụ KH&CN được nghiệm thu từ mức đạt trở lên

1. Cách quy đổi giờ chuẩn như sau:

TT	Sản phẩm (SP)	Số giờ	
1	Đề tài KH&CN, Đề án KH&CN, Dự án KH&CN, Dự án sản xuất thử nghiệm, Sáng chế, Sáng kiến cải tiến kỹ thuật	Cấp Cơ sở	200/SP
		Cấp Bộ/Tỉnh	300/SP
		Cấp Nhà nước	400/SP
2	Giáo trình, tài liệu học tập - giảng dạy	200/SP	

2. Số giờ của mỗi thành viên thực hiện nhiệm vụ KH&CN được tính theo phần trăm tham gia của các thành viên ghi trong thuyết minh.

3. Nếu nhiệm vụ KH&CN có người hướng dẫn thì số giờ của người hướng dẫn được tính vào tổng số giờ đã quy đổi của nhiệm vụ KH&CN đó. Số giờ cụ thể của người hướng dẫn được quy định tại Điều 9 của Quy định này.

4. Đối với các nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ/Tỉnh, cấp Nhà nước có liên quan đến các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở thì số giờ quy đổi bằng tổng số giờ quy đổi ở cấp tương đương trừ đi số giờ đã được hưởng trước đó ở cấp cơ sở.

Điều 6. Quy đổi giờ chuẩn đối với các nhiệm vụ KH&CN được công bố

1. Quy đổi kết quả nhiệm vụ KH&CN công bố trên các tạp chí:

a) Phương thức quy đổi như sau:

TT	Sản phẩm (SP) đăng trên	Số giờ	
1	Các tạp chí trong nước được Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước công nhận	≥ 1 điểm	160/SP
		$\leq 0,75$ điểm	130/SP

TT	Sản phẩm (SP) đăng trên	Số giờ
2	Các tạp chí trong nước chưa được tính điểm và Kỷ yếu hội nghị/hội thảo từ cấp Tỉnh trở lên	100/SP
3	Tạp chí Khoa học Điều dưỡng	160/SP
4	Kỷ yếu Hội nghị, Hội thảo cấp Trường	50/SP
5	Các tạp chí quốc tế nằm trong danh mục ISI/Scopus	320/SP
6	Kỷ yếu hội nghị/hội thảo quốc tế	160/SP

b) Sản phẩm được đăng tải trên nhiều tạp chí/kỷ yếu khác nhau thì số giờ quy đổi được tính ở tạp chí/kỷ yếu có điểm quy đổi lớn nhất.

c) Sản phẩm có nhiều tác giả tham gia công bố thì tác giả chính được hưởng 1/3 (một phần ba) số giờ quy đổi của sản phẩm, số còn lại chia đều cho từng người kể cả tác giả chính. Trường hợp không thể xác định được tác giả chính thì chia đều cho từng người.

2. Sản phẩm/kết quả các nhiệm vụ KH&CN được ứng dụng vào thực tiễn

a) Kết quả các nhiệm vụ KH&CN được ứng dụng vào thực tiễn là các giải pháp, sáng kiến nhằm nâng cao: (i) chất lượng chăm sóc sức khỏe người bệnh trong bệnh viện và chăm sóc sức khỏe cộng đồng; (ii) đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy-học, kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển năng lực nghề nghiệp cho người học; (iii) nâng cao năng lực, hiệu quả công tác quản lý của các Khoa, Phòng, Trung tâm và Bộ môn trong toàn Trường;

b) Kết quả các nhiệm vụ KH&CN được ứng dụng vào thực tiễn phải được đơn vị áp dụng kết quả đó xác nhận (bằng văn bản) là mang lại hiệu quả thiết thực theo một trong những nội dung được liệt kê ở Điểm a, Khoản 2, Điều này;

c) Cách quy đổi giờ chuẩn:

TT	Sản phẩm (sáng kiến, giải pháp)	Số giờ	Ghi chú
1	Được ứng dụng ở cấp Bộ môn	100/SP	Số giờ của mỗi thành viên được tính theo phần trăm tham gia ghi trong thuyết minh
2	Được ứng dụng ở cấp Khoa/Phòng	130/SP	
3	Được ứng dụng ở cấp Trường	160/SP	

3. Quy đổi giờ chuẩn với Giáo trình, tài liệu sử dụng trong học tập-giảng dạy

TT	Sản phẩm	Số giờ	Ghi chú
1	Nhà trường xuất bản	100/SP	Chủ biên được hưởng 1/3 số giờ quy đổi của sản phẩm, số còn lại chia theo giá trị đóng góp của từng người tham gia viết. Trường hợp không thể xác định được cụ thể đóng góp của mỗi người thì chia đều cho từng người
2	Các nhà Xuất bản xuất bản	130/SP	
3	Được cấp mã số ISBN	160/SP	
4	Tái bản	25%/SP	

Điều 7. Quy đổi giờ chuẩn đối với các nhiệm vụ KH&CN không do Nhà trường quản lý

1. Các nhiệm vụ KH&CN không do Nhà trường quản lý bao gồm:

a) Các nhiệm vụ KH&CN do các giảng viên, người lao động của Nhà trường phối hợp với các đơn vị ngoài Trường để thực hiện;

b) Các nhiệm vụ KH&CN do các giảng viên, người lao động của Nhà trường tự thực hiện (sách, luận văn, luận án, tự nghiên cứu và công bố ...).

2. Phương thức quy đổi giờ chuẩn cho các nhiệm vụ KH&CN không do Nhà trường quản lý được thực hiện như Điều 5 và Điều 6 của Quy định này.

3. Điều kiện được quy đổi giờ:

TT	Sản phẩm	Minh chứng
1	Nhiệm vụ KH&CN phối hợp với các đơn vị ngoài Trường	Giấy xác nhận về việc tham gia thực hiện nhiệm vụ trong đó ghi rõ phần trăm tham gia thực hiện nhiệm vụ (có chữ ký và đóng dấu của cơ quan hợp tác), biên bản hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ (bản photo), báo cáo toàn văn kết quả thực hiện nhiệm vụ
2	Phối hợp công bố sản phẩm KH&CN	Giấy xác nhận của người chủ trì công bố về việc tham gia thực hiện việc công bố (ghi rõ phần trăm tham gia), sản phẩm được công bố, tài liệu minh chứng khác cho việc công bố (nếu có)
3	Nhiệm vụ KH&CN tự thực hiện	Nhiệm vụ đó là do bản thân giảng viên, người lao động tự thực hiện, nhiệm vụ đó đã được nghiệm thu và hoặc đã được công bố

Điều 8. Đạt giải tại các Hội thi về KH&CN

1. Phương thức quy đổi:


TT	Hoạt động (HD)	Số giờ
1	Tham gia và đạt giải thưởng Hội thi cấp cơ sở	10/HĐ
2	Tham gia và đạt giải thưởng Hội thi cấp Bộ/Tỉnh	20/HĐ
3	Tham gia và đạt giải thưởng Hội thi cấp Quốc gia	30/HĐ
4	Tham gia và đạt giải thưởng Hội thi cấp Quốc tế	40/HĐ

2. Nếu một nhiệm vụ KH&CN đạt giải ở nhiều cấp thì số giờ quy đổi được tính ở cấp cao nhất.

3. Số giờ của mỗi thành viên thực hiện nhiệm vụ KH&CN đạt giải được tính theo phần trăm tham gia của các thành viên ghi trong thuyết minh.

Điều 9. Hướng dẫn người học, giảng viên, người lao động thực hiện các nhiệm vụ KH&CN

1. Hướng dẫn người học, giảng viên, người lao động thực hiện các nhiệm vụ KH&CN được nghiệm thu từ mức đạt trở lên: 15 giờ/nhiệm vụ.

2. Nếu có nhiều người cùng hướng dẫn một nhiệm vụ KH&CN thì chia đều số giờ được quy đổi cho từng người hướng dẫn. 


CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm thi hành

1. Phòng Quản lý Nghiên cứu khoa học (QL NCKH) có trách nhiệm:
 - a) Hướng dẫn các đơn vị trong toàn Trường thực hiện quy định này, phối hợp với các đơn vị chức năng kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định này và báo cáo Hiệu trưởng Nhà trường.
 - b) Soạn thảo mẫu để thống kê các hoạt động NCKH trong năm và hướng dẫn các giảng viên trong toàn trường kê khai theo mẫu;
 - c) Thẩm định tính chính xác kết quả quy đổi giờ chuẩn NCKH của giảng viên và trình Hiệu trưởng phê duyệt.
2. Các Khoa/Trung tâm có trách nhiệm kê khai các hoạt động NCKH của giảng viên trong đơn vị đã thực hiện trong năm học và gửi về Phòng QL NCKH trước ngày 10/8 hàng năm.
3. Trưởng các đơn vị có trách nhiệm đôn đốc, giám sát, tổ chức, phối hợp và tạo điều kiện hỗ trợ để các giảng viên đơn vị mình hoàn thành giờ NCKH.
4. Phòng Tổ chức Cán bộ căn cứ vào kết quả hoạt động NCKH của giảng viên trong năm để làm căn cứ bình xét thi đua.
5. Trong quá trình thực hiện quy định này, nếu có vướng mắc, phát sinh cần điều chỉnh, thay đổi hoặc bổ sung, các đơn vị và cá nhân có liên quan báo cáo bằng văn bản về Phòng QL NCKH để trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này được áp dụng để hướng dẫn việc quy đổi giờ chuẩn các hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định kể từ năm học 2018 - 2019.
2. Quy định này thay thế cho Quy định quy đổi giờ chuẩn các hoạt động Nghiên cứu khoa học của giảng viên Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định ban hành kèm theo Quyết định số 2144/QĐ-ĐDN ngày 17/10/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định và các văn bản khác của Nhà trường đã ban hành có nội dung trái với quy định này.


HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
ĐIỀU DƯỠNG
NAM ĐỊNH
Lê Thanh Tùng